

Bản án số: 52/2025/DS - ST

Ngày: 30/12/2025

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – NGHỆ AN

- Thành phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đậu Cao Nhu và bà Phan Thị Đóa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Hoàng Phương - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Nghệ An.

- Đại diện VKS nhân dân Khu vực 4 – Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Phương Quỳnh – Kiểm sát viên .

Ngày 30 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Nghệ An, xét xử sơ thẩm vụ án Dân sự thụ lý số 99/2025/TLST-DS, ngày 30 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 206/2025/QĐXXST - DS ngày 26 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1964; có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Khối 12, phường QM, tỉnh Nghệ An.

- Bị đơn: 1. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1972; vắng mặt

Địa chỉ: Thôn 17, xã QV, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nhau nên chị Nguyễn Thị T hỏi vay tiền thì bà đồng ý. Ngày 27/01/2017 (âm lịch) bà đã cho chị Nguyễn Thị T vay số tiền 66.000.000 đồng; giấy vay tiền do chị T viết và ký tên Nguyễn Thị T vào giấy vay

tiền; thời hạn vay là 03 tháng kể từ ngày vay (ngày 27/01/2017 âm lịch); lãi suất hai bên thoat thuận bằng miệng (không ghi vào giấy vay tiền) là 1%/tháng cho toàn bộ khoản vay 66.000.000 đồng. Sau khi viết giấy vay tiền hai bên đã giao nhận tiền đầy đủ. Đến hạn trả nợ bà đã nhiều lần trực tiếp đến nhà và gọi điện thoại yêu cầu chị T trả nợ nhưng chị T mới trả được cho bà số tiền lãi 16.000.000 đồng. Số tiền nợ gốc và nợ lãi còn lại chị T xin khất nợ nhiều lần nhưng đến nay vẫn cố tình không trả cho bà.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng chị Nguyễn Thị T trả cho bà số tiền nợ gốc là 66.000.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày 27/12/2025. Tại bản tự khai và biên bản hoà giải ngày 14/11/2025, bà D chỉ yêu cầu bà T trả tiền lãi suất mức 0,83%/tháng bằng $(66.000.000 \times 0,83\%) \times 105 \text{ tháng} = 57.519.000 \text{ đồng}$, trừ đi số tiền lãi suất đã trả là 16.000.000 đồng; Còn lại tổng cộng bà T phải trả là 107.519.000 đồng.

Tại biên bản tự khai, quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên Tòa bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà Nguyễn Thị T công nhận vào ngày 27 tháng 01 năm 2017 (âm lịch) có vay của bà Nguyễn Thị D số tiền 66.000.000 đồng; giấy vay tiền do chị viết; khi vay hai bên có thỏa thuận lãi suất bằng miệng nhưng không ghi trong giấy vay về mức lãi suất và có thỏa thuận về thời hạn trả nợ nhưng do thời gian đã lâu nên bà không nhớ cụ thể về thời hạn trả nợ. Quá trình vay thì chị đã nhiều lần trả nợ cho bà D tổng số tiền là 40.375.000 đồng. Chị cũng thừa nhận hiện nay đang nợ tiền của bà Nguyễn Thị D nhưng tổng số tiền nợ cụ thể thì không nhớ. Tuy nhiên, do những năm gần đây điều kiện gia đình khó khăn nên chưa có tiền để trả nợ cho bà D.

Nay bà Nguyễn Thị D yêu cầu bà trả số tiền nợ gốc 66.000.000 đồng tiền vay gốc và tiền lãi suất thì bà đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4-Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và phát biểu về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền 107.519.000 đồng,

trong đó: Tiền nợ gốc: 66.000.000 đồng và tiền nợ lãi suất 41.519.000 đồng, theo giấy vay tiền ngày 27 tháng 01 năm 2017 (âm lịch). Về án phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị D yêu cầu vợ chồng chị Nguyễn Thị T trả tiền nợ gốc và tiền nợ lãi suất. Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản; bị đơn có hộ khẩu thường trú tại thôn 17, xã QV, tỉnh Nghệ An nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Nghệ An theo khoản 3, Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thời hiệu khởi kiện: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị T thừa nhận nghĩa vụ trả nợ đối với người khởi kiện, các bên đương sự không ai đề nghị áp dụng thời hiệu nên Hội đồng xét xử xác định thời hiệu khởi kiện hiện đang còn.

[1.3]. Về việc Tòa án xét xử vắng mặt: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Quyết định xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn bà Nguyễn Thị T nhưng bà T vắng mặt. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về nội dung:

Theo tài liệu, chứng cứ là giấy vay tiền đề ngày ngày 27 tháng 01 năm 2017 (quá trình giải quyết vụ án các bên đều thừa nhận là ngày âm lịch), giữa bên cho vay là bà Nguyễn Thị D và bên vay là bà Nguyễn Thị T được ký kết trên cơ sở tự nguyện, đúng quy định pháp luật nên, nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận giấy vay do bà T viết và ký vào đồng thời cũng thừa nhận số tiền mà bà T vay của bà D là 66.000.000 đồng. Nên đây là hợp đồng hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Khi vay hai bên thỏa thuận thời hạn trả nợ là ba tháng kể từ ngày vay nhưng đến nay bà T vẫn chưa trả nợ đầy đủ cho bà D nên bà D có quyền khởi kiện bà T là đúng quy định. Mặc dù trong giấy vay không thể hiện việc tính lãi suất nhưng quá trình giải quyết vụ án, hai bên đều khai việc vay là có lãi suất do đó xác định đây là hợp đồng vay có thời hạn và có lãi suất.

Bà T trình bày quá trình vay tiền của bà D thì bà T đã trả cho bà D nhiều lần tổng cộng 40.375.000 đồng nhưng bà không có giấy tờ chứng minh việc đã trả số tiền như trên cho bà D mà chỉ T chỉ cung cấp được cho Tòa án một bản đánh máy “Tổng trả cho chị D” không ghi ngày tháng và không có chữ ký xác nhận của bà D. Tòa án đã ra thông báo yêu cầu chị T cung cấp tài liệu, chứng cứ là giấy trả cho bà D số tiền 40.375.000 đồng nhưng hết thời hạn bà T vẫn không cung cấp được. Vì vậy, việc bà T trình bày đã trả cho bà D số tiền: 40.375.000 đồng là không có căn cứ. Bà D sau khi tính toán lại đã thừa nhận việc bà T trả được số tiền 16.000.000 đồng tiền lãi suất. Do đó chỉ có căn cứ chấp nhận việc bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền lãi 16.000.000 đồng.

[3]. Về lãi suất, nguyên đơn và bị đơn thừa nhận việc vay có lãi suất, trong giấy vay không ghi lãi suất, hai bên cũng không thống nhất được mức lãi suất nên cần áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để giải quyết về yêu cầu tính lãi của nguyên đơn. Tại bản tự khai ngày 14/11/2025 và tại phiên toà, bà D chỉ yêu cầu bà T trả số tiền lãi là 0,83%/tháng là phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi suất 66.000.000đồng x 0.83%/tháng (105 tháng) = 57.519.000 đồng – 16.000.000 đồng = 41.519.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Do đó cần buộc bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị D tổng cộng 107.519.000 đồng (trong đó 66.000.000 đồng nợ gốc và lãi suất 41.519.000 đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị D đối với một phần tiền lãi suất (do nguyên đơn thay đổi mức tính lãi suất từ 01% xuống 0,83%/tháng).

[4]. Về án phí: Bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.376.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào các điều 157, 280, 357, 463, 466, 468, 470, 688 Bộ luật Dân sự 2015; Các điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 271 và điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D.

2.1. Buộc bà Nguyễn Thị T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà Nguyễn Thị D số tiền tổng cộng là 107.519.000 đồng (trong đó: tiền nợ gốc: 66.000.000

đồng và tiền lãi suất: 41.519.000 đồng) theo giấy vay tiền ngày 27 tháng 01 năm 2017.

2.2. Đình chỉ yêu cầu của bà Nguyễn Thị D đối với một phần tiền lãi suất (do nguyên đơn thay đổi mức tính lãi suất từ 01% xuống 0,83%/tháng).

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.376.000 (Năm triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

4. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKS ND Khu vực 4;
- THADS tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Hà